

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3634/LĐTBXH-TCDN

V/v xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định số
48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015.

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2016

TRƯỜNG CĐKT LÝ TỰ TRỌNG	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 865
	Ngày: 28/9/16
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

Kính gửi: Tổng Cục Kỹ thuật Lý Tự Trọng

*gửi: BCH + Trưởng đoàn vì góp ý
CP, pháp chế 'tối' tiếp nhận*

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8/2016 về việc Chính phủ thống nhất giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam về việc cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Thông báo số 7775/VPCP-KGVX ngày 16/9/2016 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp.

Để hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP (gửi kèm theo), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu góp ý bằng văn bản và gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Dạy nghề, số 37B Nguyễn Bình Khiêm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; fax: 04.39747339; email: cuonggdvt@gmail.com) trước ngày 01/10/2016 để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./p

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử CP (lấy ý kiến);
- Cổng thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Lưu VT, PC, TCDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Huỳnh Văn Tí

Số: /TTr-LĐTBXH

Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2016 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (tại Thông báo số 7775/VPCP-KGVX ngày 16/9/2016 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Luật Giáo dục nghề nghiệp được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ 8 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015. Tại khoản 1, khoản 2 Điều 71 của Luật giáo dục nghề nghiệp quy định “Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp” và “Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp”.

Ngày 15/5/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 48/2015/NĐ-CP), trong đó quy định: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo giúp Chính phủ thống nhất thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương theo quy định cho đến khi Chính phủ có quyết định về cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương (khoản 7 Điều 32).

Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8/2016, Chính phủ thống nhất giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp. Để triển khai nhiệm vụ được Chính phủ phân công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đẩy nhanh tiến độ xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp. Trong khi hoàn thiện các văn bản thuộc lĩnh vực tổ chức nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức giữa các Bộ có liên quan, cần sớm ổn định hệ thống giáo dục nghề nghiệp cũng như công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ trung ương đến địa phương. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 48/2015/NĐ-CP nhằm bảo đảm phù hợp với phân công mới của Chính phủ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về giáo dục nghề nghiệp là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC SOẠN THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Quan điểm

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) được soạn thảo trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau:

a) Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với Hiến pháp, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Tập trung sửa đổi nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo phân công của Chính phủ; nhiệm vụ cụ thể quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp từ trung ương đến địa phương; đảm bảo phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

c) Sửa đổi, bổ sung các quy định có khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật thời gian vừa qua; đặc biệt là các quy định liên quan đến hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp.

d) Rà soát, cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

2. Phạm vi sửa đổi, bổ sung

Nhằm bảo đảm phù hợp với phân công mới của Chính phủ về quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp (tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016),

phạm vi sửa đổi của dự thảo Nghị định chủ yếu liên quan đến thẩm quyền, nội dung và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

Liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, do Nghị định số 48/2015/NĐ-CP chưa quy định các thủ tục hành chính về giải thể, đổi tên, chấm dứt phân hiệu của trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài; việc cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận... Do vậy, để phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Luật đầu tư 2014, phạm vi bổ sung của Nghị định bao gồm cả các điều kiện, thủ tục hành chính điều chỉnh các hoạt động nêu trên.

Ngoài ra, thông qua rà soát nội dung về giáo dục nghề nghiệp tại các văn bản liên quan, dự thảo Nghị định cũng chỉnh lý một số thuật ngữ, sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan cho phù hợp với Luật giáo dục nghề nghiệp.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8/2016, Chính phủ thống nhất giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp. Để triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP nêu trên, cần sửa đổi ngay Nghị định số 48/2015/NĐ-CP cho phù hợp với Luật giáo dục nghề nghiệp và phân công của Chính phủ. Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có báo cáo số 3516/LĐTĐBXH-TCDN ngày 14/9/2016 và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý giao cho Bộ chủ trì soạn thảo và cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP (Thông báo số 7775/VPCP-KGVX ngày 16/9/2016 của Văn phòng Chính phủ).

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ưu tiên, tập trung bố trí nhân lực, tích cực phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự thảo Nghị định; chủ động lấy ý kiến của các bộ, ngành; xin ý kiến trực tiếp các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, chuyên gia pháp luật, các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.... Đồng thời, xin ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

IV. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Về bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 03 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP, cụ thể:

+ Sửa đổi, bổ sung 21 điểm (Điều 1, Điều 2, Điều 3, khoản 2, 7, 9, 10, 11, 14, 15, 17 và 21 Điều 4, khoản 17 Điều 6, khoản 3 và 4 Điều 10, Điều 13, khoản 1 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 18, Điều 19, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 33);

+ Bổ sung 15 Điều, gồm: quy định trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn (Điều 6a); giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Điều 29a); đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Điều 29b); chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (Điều 29c); mục 3 chương III quy định về văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (gồm 7 điều); mục 4 chương III quy định về cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận (gồm 4 điều) và 01 điều quy định chuyển tiếp (Điều 32a).

+ Ngoài ra, để phù hợp với phân công của Chính phủ, dự thảo Nghị định còn quy định sửa đổi một số quy định liên quan đến cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương tại 5 Nghị định và 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều 2. Hiệu lực thi hành.

- Điều 3. Trách nhiệm thi hành

2. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung

2.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài có chức năng đại diện cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài; đồng thời Luật giáo dục nghề nghiệp đã quy định về điều kiện, thẩm quyền cho phép thành lập và chấm dứt hoạt động (Điều 49 Luật giáo dục nghề nghiệp). Tuy nhiên, Luật chưa

quy định rõ trình tự, thủ tục, hồ sơ cho phép thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, Luật giáo dục nghề nghiệp cũng đã có quy định về cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận (khoản 7 Điều 3), các chính sách đối với loại hình cơ sở này (khoản 2 Điều 7). Nghị định 48/2015/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương (khoản 18 Điều 4), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 7 Điều 6) trong việc công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận nhưng chưa rõ điều kiện, trình tự, thủ tục và hồ sơ công nhận. Ngoài ra, Nghị định 48/2015/NĐ-CP còn thiếu quy định việc giải thể, đổi tên, thành lập và chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

Căn cứ Luật Đầu tư 2014 thì các hoạt động nêu trên thuộc điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; vừa hàm chứa các thủ tục hành chính, do đó phải được quy định tại Nghị định của Chính phủ (Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015).

Xuất phát từ lý do nêu trên, dự thảo Nghị định bổ sung phạm vi điều chỉnh và loại trừ đối tượng áp dụng đối với trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm đào tạo các nhóm ngành đào tạo giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP) làm căn cứ quy định bổ sung trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 48/2015/NĐ-CP.

2.2. Về cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8/2016 của Chính phủ thống nhất giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương, dự thảo Nghị định sửa đổi, thay thế các cụm từ, các thuật ngữ về cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp tại các điều, khoản, điểm cho phù hợp.

Đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương, dự thảo đã bổ sung Điều 6a quy định rõ trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội với nhiệm vụ là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

2.3. Về giải thể, đổi tên và chấm dứt hoạt động phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép giải thể hoặc bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Giáo dục nghề nghiệp; được phép đổi tên hoặc đề nghị chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, Nghị định số 48/2015/NĐ-CP chưa quy định chi tiết về vấn đề này (trình tự, thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền), do đó dự thảo Nghị định đã bổ sung 3 điều (Điều 29a, 29b, 29c) sau Điều 29 quy định về các vấn đề nêu trên.

2.4. Về văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam

Dự thảo Nghị định đã bổ sung thêm mục 3 sau mục 2 chương III, gồm 7 điều quy định về văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (thời hạn hoạt động; việc đặt tên văn phòng đại diện; điều kiện, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền cho phép thành lập; việc đăng ký hoạt động và công bố hoạt động của văn phòng đại diện; việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập; chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập; quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện).

2.5. Về cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

Dự thảo Nghị định đã bổ sung mục 4, gồm 4 điều vào chương III quy định về cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận (điều kiện xác định cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; căn cứ để đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; chính sách ưu tiên và hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận...).

2.6. Một số vấn đề sửa đổi, bổ sung khác

a) Sửa đổi nội dung và thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Theo phân công của Chính phủ tại Nghị quyết 76/NQ-CP và thực tiễn triển khai thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, Nghị định số 48/2015/NĐ-CP thời gian qua, dự thảo Nghị định đã chỉnh lý một số nội dung và thuật ngữ cho phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, chỉnh lý khoản 14 Điều 4 cho

phù hợp với thẩm quyền ban hành của Chính phủ theo quy định của Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các luật chuyên ngành khác.

Dự thảo Nghị định đã chỉnh lý, bổ sung một số nhiệm vụ khác trong việc thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý hệ thống giáo dục nghề nghiệp cũng như phát sinh từ thực tiễn nhu cầu điều chỉnh pháp luật đối với các vấn đề như: việc xây dựng giáo trình điện tử, thư viện điện tử, cơ sở dữ liệu cấp quốc gia; tổ chức biên soạn, xét duyệt các giáo trình sử dụng chung trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo ngành, nghề; điều lệ, quy chế hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, quy chế hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; quy chế quản lý học sinh, sinh viên, thực tập sinh Việt Nam học tập nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại nước ngoài và học sinh, sinh viên, thực tập sinh là người nước ngoài học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam; các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp (hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp với nước ngoài, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ việc liên doanh, liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam với các tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của nước ngoài...).

b) Sửa đổi điều kiện cơ sở vật chất và vốn đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

- Sửa đổi khoản 3 Điều 10 về điều kiện cơ sở vật chất phải phù hợp với quy mô, trình độ đào tạo của từng chuyên ngành hoặc nghề, cụ thể như sau: *“Phòng học lý thuyết, thực hành đáp ứng được quy mô đào tạo theo quy định. Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng học thực hành, thực tập dùng cho học tập và giảng dạy đảm bảo ở mức bình quân ít nhất là 5,5 - 7,5 m²/chỗ học”*.

- Về vốn đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, cụ thể: đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp tối thiểu là 05 (năm) tỷ đồng; đối với trường trung cấp tối thiểu là 50 (năm mươi) tỷ đồng; đối với trường cao đẳng tối thiểu là 100 (một trăm) tỷ đồng.

Việc sửa đổi nêu trên xuất phát từ lý do: Trong thực tế đào tạo nghề nghiệp hiện nay chủ yếu giảng dạy tích hợp giữa lý thuyết và thực hành; quy định về vốn đầu tư giữa các loại hình sở hữu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có sự không tương thích. Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo bình đẳng giữa các nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước về vốn trong việc thành lập cơ sở giáo dục

nghề nghiệp. Bên cạnh đó, trường cao đẳng được phép đào tạo nhiều cấp trình độ hơn trường trung cấp và quy mô đào tạo của trường cao đẳng lớn hơn quy mô đào tạo của trường trung cấp. Ngoài ra, để thống nhất với dự thảo Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (đã trình Chính phủ).

c) Bãi bỏ khoản bãi bỏ khoản 8 Điều 4, khoản 2 Điều 27, khoản 7 Điều 32 cho phù hợp với thẩm quyền ban hành của Chính phủ theo quy định của Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

d) Bổ sung điều khoản chuyển tiếp quy định về:

- Việc thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam: Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã nộp hồ sơ đề nghị cho phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật dạy nghề, Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.

- Trường hợp tên gọi của cơ quan chuyên môn giúp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp (Tổng cục Dạy nghề) thay đổi thì thực hiện theo quy định của văn bản mới ban hành.

đ) Sửa đổi, bổ sung các thuật ngữ; thay thế, bãi bỏ các văn bản hoặc quy định có liên quan (Điều 2 dự thảo Nghị định).

V. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Mặc dù, dự thảo Nghị định đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn, nhưng đây là Nghị định có đối tượng tác động tương đối rộng, phạm vi lớn nên Bộ đã gửi xin ý kiến một số Bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức có liên quan; đồng thời tổ chức một số hội nghị góp ý trực tiếp, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ để lấy ý kiến nhân dân. Quá trình đó, đa số các ý kiến góp ý và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (văn bản thẩm định số /... ngày tháng năm 2016) cho thấy....

Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo, còn có vấn đề ý kiến khác nhau về phạm vi sửa đổi, bổ sung như sau:

- *Loại ý kiến thứ nhất:* Phạm vi sửa đổi, bổ sung của dự thảo Nghị định lớn, do đó nên rà soát, sửa đồng bộ để phù hợp với Luật giáo dục nghề nghiệp, sự phân công của Chính phủ để thay thế Nghị định số 48/2015/NĐ-CP.

- *Loại ý kiến thứ 2:* Chỉ tập trung sửa đổi những vấn đề liên quan đến thẩm quyền, tên cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương và địa phương trong Nghị định số 48/2015/NĐ-CP cho phù hợp với phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 3/9/2016.

....

Trên đây là các nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ Nghị định kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó TTg (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, TCDN.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

CHÍNH PHỦ

Số: /2016/NĐ-CP

Dự thảo 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
của Luật Giáo dục nghề nghiệp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 48/2015/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2015/NĐ-CP

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp, bao gồm:

1. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

2. Hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, gồm: cấp giấy chứng nhận đăng ký liên kết đào tạo với nước ngoài; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; cho phép thành lập, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài; thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

3. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4. Việc công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, trường cao đẳng công lập, tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài; cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, doanh nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp);

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam.

4. Nghị định này không áp dụng đối với trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm.”

3. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo phân cấp của Chính phủ và theo quy định tại Nghị định này.”

4. Tên Điều 4 và một số nội dung của Điều được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Tên Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”

b) Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan

xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định:

a) Ban hành các quyết định, chỉ thị, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, đề án phát triển giáo dục nghề nghiệp;

b) Tổ chức bộ máy giúp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch phát triển lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các chính sách đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.”

c) Khoản 7 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“7. Quy định quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng được thực hiện theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy trình tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình giáo dục nghề nghiệp; quy định về đào tạo liên thông và việc liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam; xây dựng tiêu chí xác định chương trình đào tạo chất lượng cao. Chỉ đạo việc xây dựng giáo trình điện tử, thư viện điện tử, cơ sở dữ liệu cấp quốc gia; tổ chức biên soạn, xét duyệt các giáo trình sử dụng chung trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo ngành, nghề.”

d) Khoản 9 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“9. Ban hành điều lệ trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, điều lệ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, điều lệ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; ban hành quy chế tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp; quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề, theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy định về đào tạo thường xuyên, đào tạo trong doanh nghiệp, tổ chức bồi dưỡng hoàn thiện kỹ năng nghề cho người lao động; quy định về quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; quy định mẫu bằng, chứng chỉ đào tạo, việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng, chứng chỉ đào tạo giáo dục nghề nghiệp; quy định trách nhiệm của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong việc cấp bằng, chứng chỉ đào tạo tại Việt Nam.”

đ) Khoản 10 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“10. Quy định cụ thể trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dạy các trình độ giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; tiêu chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quy chế đánh giá viên chức giáo dục nghề nghiệp; nội dung, hình thức tuyển dụng viên chức giáo dục nghề nghiệp; chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm cho nhà giáo trong các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành các chương trình bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Quy định mẫu và quy chế quản lý, cấp chứng chỉ bồi dưỡng cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Hướng dẫn công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo, người dạy các chương trình đào tạo thường xuyên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Chỉ đạo, tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức giáo dục nghề nghiệp và tặng thưởng các danh hiệu vinh dự cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.”

e) Khoản 11 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“11. Ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế quản lý học sinh, sinh viên, thực tập sinh Việt Nam học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại nước ngoài và học sinh, sinh viên, thực tập sinh là người nước ngoài học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.”

g) Khoản 14 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“14. Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp; quy định các tiêu chuẩn chi tiết nội dung tiêu chí trường chất lượng cao; quy định về xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng và trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc bảo đảm chất lượng đào tạo; danh mục các chương trình đào tạo của các ngành, nghề cần được kiểm định chất lượng phục vụ yêu cầu công tác quản lý nhà nước trong từng giai đoạn.”

h) Khoản 15 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“15. Quản lý, tổ chức hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp; xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định về trình tự, thủ tục, điều kiện thành lập, đình chỉ, giải thể và quy chế tổ chức, hoạt động đối với các tổ chức dịch vụ và tư vấn cho người Việt Nam đi học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

nước ngoài; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp tác đào tạo nghề nghiệp với tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài; tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp với nước ngoài và các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ việc liên doanh, liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam với các tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của nước ngoài.”

i) Khoản 17 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“17. Quy định việc xếp hạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn, kiểm tra việc xếp hạng theo quy định.”

k) Khoản 21 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“21. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về giáo dục nghề nghiệp; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.”

5. Khoản 17 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“17. Tổ chức bộ máy chuyên môn trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan.”

6. Bổ sung Điều 6a sau Điều 6 như sau:

“Điều 6a. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm về giáo dục nghề nghiệp; chương trình, dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp ở địa phương; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình và các nội dung khác về giáo dục nghề nghiệp sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức chuyên môn trực thuộc Sở thực hiện quản lý về giáo dục nghề nghiệp theo quy

định của pháp luật.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện về chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn.

6. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành những quy định cụ thể về quản lý giáo dục nghề nghiệp, chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và học sinh, sinh viên phù hợp với các quy định của pháp luật. Thực hiện đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp ở đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp.

7. Tổ chức hội giảng nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm, hội thi tay nghề cấp tỉnh.

8. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh các giải pháp thực hiện xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện.

9. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình lập dự toán thu, chi ngân sách; phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán ngân sách giáo dục nghề nghiệp hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách của địa phương.

10. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện cải cách hành chính, chế độ báo cáo định kỳ về giáo dục nghề nghiệp theo quy định.”

7. Khoản 3 và khoản 4 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất phải phù hợp với quy mô, trình độ đào tạo của từng chuyên ngành hoặc nghề, cụ thể:

- Phòng học lý thuyết, thực hành đáp ứng được quy mô đào tạo theo quy định. Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng học thực hành, thực tập dùng cho học tập và giảng dạy đảm bảo ở mức bình quân ít nhất là 5,5 - 7,5 m²/chỗ học;

- Xưởng thực hành đủ tiêu chuẩn đáp ứng được yêu cầu thực hành theo chương trình đào tạo;

- Phòng thí nghiệm, thực nghiệm và phòng học lý thuyết chuyên môn đáp

ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu theo chương trình đào tạo.

b) Thiết bị đào tạo phải đáp ứng theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu đối với chuyên ngành hoặc nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu thì phải bảo đảm đủ thiết bị đào tạo theo quy định trong chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

4. Chương trình, giáo trình đào tạo

a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện liên kết đào tạo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chương trình, giáo trình, tài liệu học tập, học liệu phục vụ cho việc học tập của người học;

b) Chương trình đào tạo phải được kiểm định và công nhận đạt chất lượng theo quy định sau đây: Đối với các chương trình đào tạo được chuyển giao từ nước ngoài; các chương trình đào tạo một phần theo chương trình tại Việt Nam, một phần theo chương trình của nước ngoài tại nước ngoài; chương trình do hai bên xây dựng để giảng dạy cấp bằng của nước ngoài hoặc cấp bằng của Việt Nam và bằng của nước ngoài phải là chương trình đã được kiểm định ở nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận chất lượng và phù hợp với pháp luật Việt Nam. Đối với các chương trình đào tạo của Việt Nam hoặc chương trình do hai bên xây dựng để giảng dạy cấp bằng, chứng chỉ của Việt Nam phải được kiểm định công nhận về chất lượng theo quy định của pháp luật Việt Nam.”

8. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 13. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo

1. Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học.

2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo liên kết cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp.”

9. Tên khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Việc cho phép mở phân hiệu của trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt cơ

sở chính của những cơ sở này thực hiện theo quy trình sau đây:”

10. Khoản 1 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Vốn đầu tư:

Vốn đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được đầu tư bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai, cụ thể như sau:

a) Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp tối thiểu là 05 (năm) tỷ đồng;

b) Đối với trường trung cấp tối thiểu là 50 (năm mươi) tỷ đồng;

c) Đối với trường cao đẳng tối thiểu là 100 (một trăm) tỷ đồng.

d) Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc do bên Việt Nam góp vốn bằng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% các mức quy định tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều này.”

11. Điểm c khoản 2 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có);”

12. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 19. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư; điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cơ quan cấp giấy chứng nhận gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến:

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với dự án đầu tư thành lập trường cao đẳng và phân hiệu của những cơ sở này;

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với dự án đầu tư thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp và phân hiệu của trường trung cấp.”

13. Bổ sung Điều 29a, 29b, 29c sau Điều 29 như sau:

“Điều 29a. Giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị giải thể hoặc được phép giải thể khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ gồm văn bản đề nghị giải thể của cơ quan có thẩm quyền, trong đó nêu rõ lý do bị giải thể và kèm theo:

a) Kết luận thanh tra, kiểm tra đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp;

b) Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp;

c) Biên bản kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp.

3. Hồ sơ giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật giáo dục nghề nghiệp là 01 bộ gồm:

a) Văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó nêu rõ lý do giải thể và phương án giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Phương án giải thể phải nêu phương án giải quyết tài sản; quyền lợi của cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhân viên, người lao động, người học và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cho phép giải thể

a) Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Dạy nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định hồ sơ giải thể, trình người có thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài quyết định cho phép giải thể;

b) Trong quyết định cho phép giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ghi rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm quyền lợi của cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên, người lao động, người học; phương án giải quyết tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định. Quyết định cho phép giải thể phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Người có thẩm quyền thành lập thì có quyền cho phép giải thể cơ sở

giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Trường hợp có sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật giáo dục nghề nghiệp mà không có văn bản đề nghị giải thể của cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập xem xét, quyết định giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cho phép giải thể trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm gửi quyết định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đóng trụ sở chính của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài để theo dõi, quản lý.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cho phép giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm gửi quyết định về Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, quản lý.”

Điều 29b. Đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

1. Hồ sơ đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 01 bộ gửi đến Tổng cục Dạy nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bao gồm:

a) Văn bản đề nghị đổi tên của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập; trong đó nêu rõ lý do, mục đích của việc thay đổi tên; tên đề nghị thay đổi;

b) Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập về việc đề nghị đổi tên.

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Dạy nghề, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, thẩm định và trình người có thẩm quyền quyết định cho phép đổi tên;

b) Người có thẩm quyền cho phép thành lập thì có quyền cho phép đổi tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cho phép đổi

tên trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài, Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm gửi quyết định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đóng trụ sở chính của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài để theo dõi, quản lý.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cho phép đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm gửi quyết định về Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, quản lý.”

Điều 29c. Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài

Việc chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường cao đẳng, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện như quy định đối với giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 29a Nghị định này.”

14. Bổ sung mục 3 sau mục 2 chương III như sau:

“Mục 3

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC, CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 29d. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là văn phòng đại diện tại Việt Nam) không quá 05 (năm) năm, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập

Điều 29đ. Đặt tên văn phòng đại diện

Tên của văn phòng đại diện cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài gồm các yếu tố cấu thành được sắp xếp theo trật tự: “Văn phòng đại diện”, “Tên của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài” và “tại Việt Nam”.

Điều 29e. Điều kiện, hồ sơ, trình tự và thẩm quyền cho phép thành lập

1. Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam là 01 bộ gồm:

a) Văn bản của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện; trong đó tóm tắt sự hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

b) Văn bản chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

c) Bản sao có chứng thực Điều lệ hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

d) Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam;

đ) Văn bản giới thiệu nhân sự làm Trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam và lý lịch cá nhân của người được giới thiệu.

Các văn bản xác nhận do cơ quan nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự tại Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự hoặc cơ quan được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp thỏa thuận, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Trình tự, thủ tục cho phép thành lập

a) Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam gửi hồ sơ đến Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm tra, trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này xem xét, quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ không được chấp nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do.

4. Thẩm quyền cho phép thành lập

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 29g. Đăng ký hoạt động

1. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập, văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam phải làm thủ tục đăng ký hoạt động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện gồm:

a) Văn bản đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài;

b) Bản sao có chứng thực giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam và 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã nộp cho Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Quyết định bổ nhiệm Trưởng văn phòng đại diện;

d) Nhân sự làm việc tại văn phòng đại diện và lý lịch cá nhân;

đ) Địa điểm cụ thể đặt văn phòng đại diện và giấy tờ pháp lý có liên quan.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam phải tiến hành các công việc sau đây:

a) Đăng trong 03 số báo liên tiếp trong đó có ít nhất 01 tờ báo Trung ương và 01 tờ báo địa phương về các nội dung chủ yếu sau đây: Tên của văn phòng đại diện bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thông dụng (nếu có); giấy phép thành lập văn phòng đại diện (số, ngày và cơ quan cấp); họ và tên Trưởng văn phòng đại diện; địa điểm đặt trụ sở, biểu tượng, điện thoại, fax, hộp thư điện tử và trang web (nếu có); số tài khoản tại ngân hàng giao dịch; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (số, ngày và cơ quan cấp).

b) Triển khai các hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; mục tiêu, phạm vi hoạt động, thời hạn, địa điểm được ghi trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Điều 29h. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập

1. Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài phải đăng ký sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam trong những trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tên gọi, người đứng đầu hoặc địa điểm đặt trụ sở của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài trong phạm vi quốc gia mà tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài được thành lập;

b) Thay đổi tên gọi, người đứng đầu hoặc địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện tại Việt Nam;

c) Hết thời hạn hoạt động quy định trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài phải đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện trong những trường hợp sau đây:

a) Thay đổi chức năng, phạm vi hoạt động của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài;

b) Thay đổi trụ sở của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài từ quốc gia này sang quốc gia khác;

c) Bị mất giấy phép thành lập văn phòng đại diện.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi hoặc bị mất giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc 30 ngày trước khi giấy phép thành lập văn phòng đại diện hết hiệu lực, tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài phải gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam tới cơ quan có thẩm quyền.

4. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam là 01 bộ gồm:

a) Văn bản đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài với những nội dung chính sau đây: Tên đầy đủ, địa chỉ của văn phòng đại diện; nội dung thay đổi, bổ sung; lý do sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện;

b) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (trừ trường hợp bị mất);

c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện.

5. Trình tự, thủ tục cho phép thành lập

a) Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam gửi hồ sơ đến Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm tra, trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ không được chấp nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do.

6. Người có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam có quyền cho phép sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Điều 29i. Chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập

1. Hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 49 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Cơ quan cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện có trách nhiệm thông báo lý do thu hồi giấy phép hoặc lý do chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi văn phòng đại diện có trụ sở biết trước khi văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động.

3. Trong thời hạn 60 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo chấm dứt hoạt động, văn phòng đại diện phải hoàn thành mọi thủ tục liên quan đến các khoản nợ, tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội, thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có), hoàn trả giấy phép thành lập văn phòng đại diện, nộp lại con dấu và gửi báo cáo bằng văn bản đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép đối với văn phòng đại diện tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 29e Nghị định này.

Điều 29k. Quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện tại Việt Nam có các quyền sau đây:

a) Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, được Nhà nước Việt Nam bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Thuê trụ sở, thuê, mua các phương tiện, vật dụng cần thiết cho hoạt động của văn phòng đại diện; tuyển dụng lao động là người Việt Nam, người nước ngoài để làm việc tại Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Mở tài khoản chuyên chi bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của văn phòng đại diện;

d) Có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng đại diện tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ nội dung, phạm vi hoạt động quy định trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện; chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam;

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động của văn phòng đại diện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi văn phòng đại diện đặt trụ sở.

c) Báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải thích những vấn đề liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam;

d) Người đứng đầu văn phòng đại diện tại Việt Nam thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền;

đ) Nhân viên nước ngoài của văn phòng đại diện có trách nhiệm thực hiện đúng mục đích nhập cảnh Việt Nam; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tôn trọng các phong tục, tập quán của Việt Nam. Mọi hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam của nhân viên văn phòng đại diện sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”

15. Bổ sung mục 4 sau mục 3 chương III như sau:

“Mục 4

CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TƯ THỰC VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG KHÔNG VÌ LỢI NHUẬN

Điều 29I. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Điều kiện xác định cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận

a) Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư không nhận lợi tức, hoặc nhận lợi tức nhưng không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ quy định trong cùng thời kỳ;

b) Chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học hàng năm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp là tài sản sở hữu chung hợp nhất không phân chia, dùng để đầu tư phát triển cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý; hoạt động nghiên cứu khoa học; cấp học bổng cho người học và sử dụng cho các mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng khác;

c) Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận bằng văn bản với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp đặt trụ sở chính. Cam kết được công bố công khai các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

2. Điều kiện xác định cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

a) Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục nghề nghiệp đặt trụ sở chính;

b) Chênh lệch thu chi từ hoạt động đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học hàng năm của nhà trường không được chuyển ra nước ngoài mà dùng để đầu tư mở rộng, tăng cường cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý; hoạt động nghiên cứu khoa học; cấp học bổng cho người học và sử dụng cho các mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng khác.

3. Căn cứ để đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện cam kết hoạt động không vì lợi nhuận là báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo kiểm toán theo định kỳ.

Điều 29m. Chính sách ưu tiên đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận được hưởng:

a) Các chính sách hỗ trợ hoạt động đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý;

b) Ưu đãi thuế, miễn thuế hoặc giảm thuế theo quy định của pháp luật thuế;

c) Được ưu tiên giao hoặc cho thuê đất, được ưu tiên tiếp nhận các dự án đầu tư, đặt hàng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

2. Trường hợp cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã cam kết hoạt động không vì lợi nhuận nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng với những quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29l Nghị định này thì bị thu hồi quyết định công nhận hoạt động không vì lợi nhuận; tước quyền thụ hưởng các chính sách ưu tiên đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; phải hoàn trả các khoản hỗ trợ tài chính của Nhà nước và bị truy thu các khoản thuế quy định đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động vì lợi nhuận.

Điều 29n. Hồ sơ đề nghị công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập mới, ngoài hồ sơ xin thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận cần bổ sung:

a) Minh chứng về tài sản chung hợp nhất không phân chia đầu tiên của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khi thành lập;

b) Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là thành viên góp vốn xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn

đầu tư nước ngoài về việc nhận lợi tức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29l Nghị định này và văn bản cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của nhà trường theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29l Nghị định này.

2. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận, hồ sơ là 01 bộ gồm:

a) Văn bản đề nghị chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 29l Nghị định này ;

c) Biên bản họp của tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc những người góp vốn thành lập thông qua việc cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận. Biên bản này phải được sự đồng ý của đại diện tối thiểu 75% tổng số vốn góp của các thành viên góp vốn;

d) Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư thực hiện quy định Điều 29l Nghị định này;

đ) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các minh chứng liên quan đến vốn điều lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 29p. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận

1. Thủ tục, thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật về cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Thủ tục, thẩm quyền công nhận trường cao đẳng tư thực, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận

a) Trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị công nhận hoạt động không vì lợi nhuận tới Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Dạy nghề có văn bản trả lời cho nhà trường và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Dạy nghề chủ trì, tổ chức thẩm định và lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trường hợp hồ sơ đề nghị công nhận nhà trường hoạt động không vì lợi nhuận chưa đảm bảo theo ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến, Tổng cục Dạy nghề có văn bản đề nghị nhà trường sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc giải trình thêm các nội dung

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận đã hoàn chỉnh, Tổng cục Dạy nghề trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình về việc công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này ra quyết định công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận trường cao đẳng tư thục, trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận, Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm gửi quyết định về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đóng trụ sở chính của trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài để theo dõi, quản lý.

3. Thủ tục, thẩm quyền công nhận trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận

a) Trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị công nhận trường/trung tâm hoạt động không vì lợi nhuận tới Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi trường/trung tâm đặt trụ sở chính. Trường hợp hồ sơ đề nghị công nhận không hợp lệ, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản trả lời cho

trường/trung tâm và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Trường hợp hồ sơ đề nghị công nhận trường/trung tâm hoạt động không vì lợi nhuận chưa đảm bảo theo ý kiến của các cơ quan có liên quan, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản đề nghị trường/trung tâm sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc giải trình thêm các nội dung.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận đã hoàn chỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công nhận trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình về việc công nhận trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 3 Điều này ra quyết định công nhận trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận trường trung cấp tư thực, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm gửi quyết định về Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, quản lý.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể việc thẩm định công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận.”

16. Khoản 1 Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Được thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp khi có đề án thành lập đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.”

17. Bổ sung Điều 32a sau Điều 32 như sau:

“Điều 32a. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã nộp hồ sơ đề nghị cho phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật dạy nghề, Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp tên gọi của cơ quan chuyên môn giúp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp (Tổng cục Dạy nghề) thay đổi thì thực hiện theo quy định của văn bản mới ban hành.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2016.

2. Thay thế, sửa đổi và bãi bỏ một số cụm từ quy định tại Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp như sau:

a) Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương” bằng “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” quy định tại tên Điều 5, khoản 1 Điều 5, điểm c, d và i khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 5; khoản 3, 5, 6, 7 và 12 Điều 6; điểm b khoản 2 Điều 10; điểm a khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 26; Điều 28;

b) Thay thế cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương” bằng “Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 16; khoản 1 Điều 33;

c) Thay thế cụm từ “Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh” bằng “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 22; Điều 28;

d) Bãi bỏ khoản 8 Điều 4; khoản 3 Điều 15; khoản 2 Điều 27; khoản 7 Điều 32.

3. Thay thế, sửa đổi và bãi bỏ một số cụm từ quy định tại Nghị định số 79/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp như sau:

a) Thay thế các cụm từ sau:

- Cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương” bằng “Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 2 Điều 31;

- Cụm từ “cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương” bằng “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 2 Điều 31;

- Cụm từ “cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh” bằng “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 31;

- Cụm từ “Thủ trưởng cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh” bằng “Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 2 Điều 31;

- Cụm từ “Chánh Thanh tra cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh” bằng “Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 2 Điều 29 và khoản 2 Điều 31;

b) Sửa đổi tên một số khoản như sau:

- Tên khoản 3 Điều 29 sửa đổi thành “Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, về đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, gồm:”

- Tên khoản 5 Điều 29 sửa đổi thành “Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, về đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, gồm:”.

c) Bãi bỏ khoản 4, khoản 6 Điều 29.

4. Thay thế một số cụm từ quy định tại Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường như sau:

a) Thay thế cụm từ “cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương” bằng “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại khoản 3 Điều 4;

b) Thay thế cụm từ “Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở Trung ương” bằng “Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại điểm a khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 9.

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 14 Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập như sau:

“1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.”

6. Sửa đổi khoản 1 Điều 17 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

“1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc xác định các ngành, nghề đào tạo của giáo dục nghề nghiệp tương ứng với khung học phí quy định tại Khoản 4, Điều 5 Nghị định này; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn chi tiết tổ chức thực hiện Nghị định này.”

7. Sửa đổi điểm i khoản 5 Điều 47 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức như sau:

“i) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp, lao động và xã hội;”

8. Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo” bằng “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc